

Số: 1367 /QĐ-UBND

Bắc Giang, ngày 11 tháng 12 năm 2023

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 788/TTr-TNMT ngày 08/12/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Tổng Công ty Đông Bắc, địa chỉ trụ sở chính Tổ 3, khu 8, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở “Xây dựng khu nhà ở công nhân Đồng Rì-Tổng công ty Đông Bắc” tại Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của cơ sở

1.1. Tên cơ sở: Xây dựng khu nhà ở công nhân Đồng Rì-Tổng công ty Đông Bắc.

1.2. Chủ cơ sở: Tổng Công ty Đông Bắc

1.3. Địa điểm hoạt động: Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

1.4. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mã số doanh nghiệp 570010468 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 06/10/2010, thay đổi lần thứ 11 ngày 01/01/2023.

Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 20121000409 do UBND tỉnh Bắc Giang chứng nhận lần đầu ngày 29/10/2012.

1.5. Mã số thuế: 570010468.

1.6. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

Xây dựng khu nhà ở phục vụ nơi ăn, ở cho công nhân khai thác mỏ than Đòng Rì thuộc Công ty 45- Chi nhánh Tổng công ty Đông Bắc.

1.7. Phạm vi, quy mô, công suất của cơ sở

- Phạm vi: Cơ sở được thực hiện tại Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang với diện tích đất sử dụng khoảng 20ha.

- Quy mô, công suất của cơ sở:

+ Cơ sở có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công); không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

+ Quy mô, công suất: Xây dựng 03 dãy nhà ở công nhân cao 5 tầng và các công trình phụ trợ, công cộng khác.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Được phép xả nước thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn và thực hiện yêu cầu về bảo vệ ôi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Tổng Công ty Đông Bắc được cấp Giấy phép môi trường

1. Tổng Công ty Đông Bắc có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020.

2. Tổng Công ty Đông Bắc có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, phát sinh tiếng ồn để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố

khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: 10 (mười) năm, kể từ ngày Giấy phép này có hiệu lực thi hành.

Quyết định số 552/QĐ-UBND ngày 23/4/2013 của UBND tỉnh Bắc Giang về việc phê duyệt đề án bảo vệ môi trường chi tiết “Khu nhà ở công nhân Đồng Rì” tại Thôn Nòn, thị trấn Thanh Sơn, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang (nay là Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang) do Tổng Công ty Đông Bắc làm chủ đầu tư và các giấy phép môi trường thành phần (nếu có) hết hiệu lực kể từ ngày Giấy phép môi trường này có hiệu lực thi hành.

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với UBND huyện Sơn Động, cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với cơ sở “Xây dựng khu nhà ở công nhân Đồng Rì-Tổng công ty Đông Bắc” tại Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang của Tổng Công ty Đông Bắc được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Sở Tài nguyên và Môi trường, Tổ thẩm định cấp Giấy phép môi trường được thành lập theo Quyết định số 1139/QĐ-TNMT ngày 10/11/2023 của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường: Chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật về tính chính xác của các thông tin, số liệu trong hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép môi trường; về kết quả thẩm định hồ sơ, tham mưu trình UBND tỉnh cấp Giấy phép môi trường cho Tổng Công ty Đông Bắc được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của cơ sở đối với các nội dung, yêu cầu tại khoản 2 Điều 1 Giấy phép này đã đảm bảo theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và pháp luật khác có liên quan.

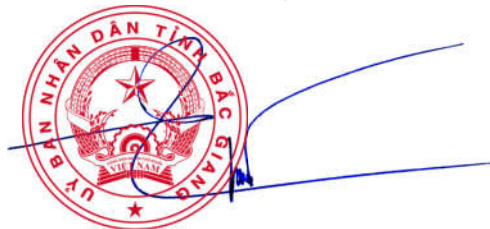
Điều 5. Giấy phép này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan: Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động; UBND thị trấn Tây Yên Tử; Tổng Công ty Đông Bắc và tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Giấy phép này thi hành./.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- CCBVMT thuộc Sở TN&MT (lưu h/s);
- Tổng Công ty Đông Bắc (trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- + LĐVP (CVP, PCVP-PT), TH, KTN;
- + Công thông tin điện tử tỉnh;
- + Trung tâm Phục vụ hành chính công;
- Lưu: VT, KTN Việt Anh

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ô Pích

Phụ lục 1
NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

1. Nguồn phát sinh nước thải

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của cán bộ công nhân sinh sống tại cơ sở.

2. Dòng nước thải xả vào nguồn nước tiếp nhận, nguồn tiếp nhận nước thải, vị trí xả nước thải

Cơ sở có 01 dòng nước thải sau xử lý qua hệ thống xử lý nước thải (công suất 150 m³/ngày đêm) được xả ra nguồn tiếp nhận.

2.1. Nguồn tiếp nhận nước thải: Mương thoát nước của khu vực sau đó chảy ra suối Lở đoạn chảy qua địa phận Tổ dân phố Đoàn Kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

2.2. Vị trí xả nước thải:

- Vị trí xả thải: 01 vị trí sau hồ điều hoà thải ra mương thoát nước của khu vực sau đó chảy ra suối Lở đoạn chảy qua địa phận Tổ dân phố Đoàn kết, thị trấn Tây Yên Tử, huyện Sơn Động, tỉnh Bắc Giang.

- Toạ độ vị trí xả thải: X = 2 345 954; Y = 474 670 (Theo hệ toạ độ VN2000, kinh tuyến trục 107°, múi chiếu 3⁰).

2.3. Lưu lượng xả nước thải lớn nhất: 150 m³/ngày đêm, tương đương khoảng 6,25m³/giờ (tính theo 24 giờ).

2.3.1. Phương thức xả nước thải:

Nước thải sau hệ thống xử lý nước thải công suất 150m³/ngày.đêm được thoát theo đường ống PVC D200 dài khoảng 15m về hồ điều hoà sau đó nước thải từ hồ điều hoà theo đường ống uPVC D200 dài khoảng 55,4m đầu nối vào cống tròn bê tông, cốt thép D1200 với chiều dài khoảng 270m đầu nối ra mương thoát nước của khu vực cuối cùng chảy ra nguồn tiếp nhận là suối Lở theo phương thức tự chảy.

2.3.2. Chế độ xả nước thải: Xả nước thải liên tục (24 giờ)

2.3.3. Chất lượng nước thải sau xử lý, trước khi xả vào nguồn tiếp nhận phải đảm bảo đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt (QCVN 14:2008/BTNMT, cột B), cụ thể như sau:

STT	Các chất ô nhiễm đề nghị cấp phép	Đơn vị	Giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm (QCVN 14:2008/ BTNMT, cột B)	Tần suất quan trắc định kỳ
1	pH	-	5-9	Căn cứ điều 97 Nghị định 08/2022/NĐ-CP cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc định kỳ đối với nước thải
2	BOD ₅	mg/l	50	
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	100	
4	Tổng chất rắn hoà tan (TDS)	mg/l	1000	
5	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4.0	
6	Amoni (Tính theo N)	mg/l	10	
7	Nitrat (NO ₃ ⁻) (tính theo N)	mg/l	50	
8	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	20	
9	Tổng các chất hoạt động bề mặt	mg/l	10	
10	Phosphat (PO ₄ ³⁻) (tính theo P)	mg/l	10	
11	Tổng coliforms	MPN/100ml	5.000	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

- Nước thải sinh hoạt nhà vệ sinh sau khi được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại (13 bể mỗi bể 18,7m³) được thu gom qua ống thoát nước thải uPVC D200 dài khoảng 523,4m dẫn vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất 150m³/ngày.đêm để xử lý.

- Nước thải nhà bếp sau bể tách mỡ (01 bể thể tích 3,4m³) dưới tác dụng của trạm bơm tăng áp TB1 bơm nước thải theo đường ống DN80 dài khoảng 25m đến hố ga G5 sau đó theo đường ống uPVC D200 dài khoảng 87,6m dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của cơ sở với công suất 150m³/ngày.đêm để xử lý.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

* Nước thải sinh hoạt:

- Tóm tắt quy trình công nghệ hệ thống xử lý nước thải công suất 150 m³/ngày đêm: Nước thải sinh hoạt (sau khi được xử lý sơ bộ tại bể tự hoại và bể tách dầu mỡ) → Hồ thu nước thải → Song chắn rác → Bể lắng cát → Bể điều hoà → Bể lắng đứng đợt 1 → Bể Aerotank (Xử lý hiếu khí) → Bể lắng đứng đợt 2 → Bể chứa (Thiết bị khử trùng) → Hồ điều hoà → Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Công nghệ xử lý nước thải: Công nghệ sinh học AO.

- Công suất thiết kế: 150 m³/ngày đêm.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng:

+ Methanol bổ sung vào bể hiếu khí: 0,35kg/m³ tương đương khoảng 52,5kg/ngày.

+ Men vi sinh bổ sung vào bể hiếu khí: 0,05 kg/m³ tương đương khoảng 7,5kg/ngày.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục: Không thuộc đối tượng phải lắp đặt.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

1.4.1. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải theo đúng quy trình kỹ thuật (có nhật ký theo dõi, giám sát vận hành); tuân thủ định mức hóa chất.

- Thường xuyên kiểm tra, theo dõi mật độ vi sinh. Bổ sung dinh dưỡng nuôi vi sinh.

- Thường xuyên duy tu, bảo dưỡng và thay thế các thiết bị hỏng hóc, các thiết bị vật liệu lọc, thiết bị xử lý đạt hiệu quả xử lý nước thải.

- Các hóa chất sử dụng phải tuân theo sự hướng dẫn của nhà sản xuất, tư vấn thiết kế; không sử dụng các chất trong danh mục cấm của Việt Nam.

- Kiểm tra hệ thống thu gom và xử lý nước thải hàng ngày để có biện pháp phòng ngừa, bảo dưỡng định kỳ, kịp thời xử lý sự cố.

- Luôn dự trữ và có phương án thay thế các thiết bị có nguy cơ hỏng hóc (như: máy bơm, phao, van, thiết bị sục khí, cánh khuấy và các thiết bị chuyển động khác,...) để kịp thời thay thế khi hỏng hóc.

1.4.2. Biện pháp, công trình, thiết bị ứng phó sự cố hệ thống xử lý nước thải

- Khi gặp sự cố lượng nước thải phát sinh vượt quá công suất của hệ thống xử lý hay sự cố kỹ thuật khác:

+ Phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để sửa chữa và đề ra phương án khắc phục.

+ Trong trường hợp sự cố kỹ thuật, cần phải sửa chữa thiết bị, máy móc thì phải dừng hoạt động của hệ thống xử lý để khắc phục sự cố trong vòng 01 ngày,

đồng thời thuê đơn vị chức năng đến hút nước thải đem đi xử lý theo quy định.

- Khi gặp sự cố nước thải xử lý không đạt quy chuẩn cho phép (QCCP):

+ Nước thải qua hệ thống xử lý được đánh giá có thể gặp các sự cố như một hoặc một số thông số ô nhiễm trong nước thải sau xử lý chưa đạt QCCP. Tùy theo thông số ô nhiễm nào vượt QCCP mà có sự kiểm tra, điều chỉnh và đưa ra các biện pháp khắc phục khác nhau.

+ Trong trường hợp sự cố phức tạp không thể tự xử lý, cần liên hệ ngay với bên lắp đặt, xây dựng hệ thống xử lý để có biện pháp khắc phục kịp thời.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

Không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm.

Cơ sở “Xây dựng khu nhà ở công nhân Đồng Rì- Tổng công ty Đông Bắc” đã được Sở Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy phép xả nước thải vào nguồn nước số 598/GP-TNMT ngày 23/10/2020, đây là một loại giấy phép môi trường thành phần theo điểm d, khoản 2 điều 42 Luật bảo vệ môi trường năm 2020

Theo khoản 4, Điều 31, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, thì cơ sở không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của cơ sở bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Phần A Phụ lục này trước khi xả thải vào mương thoát nước của khu vực sau đó chảy ra suối Lở. Không được phép lắp đặt đường ống khác để xả nước thải chưa xử lý ra môi trường.

3.2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

- Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong giấy phép môi trường. Trường hợp có thay đổi so với nội dung giấy phép môi trường đã được cấp, phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường xem xét, giải quyết.

- Việc vận hành hệ thống xử lý nước thải phải có nhật ký vận hành ghi chép đầy đủ các nội dung: lưu lượng (đầu vào, đầu ra), các thông số đặc trưng của nước thải đầu vào và đầu ra (nếu có); lượng điện tiêu thụ; loại và lượng hóa chất sử dụng, bùn thải phát sinh. Nhật ký vận hành viết bằng tiếng Việt và lưu giữ theo quy định.

- Trong quá trình hoạt động, nếu có sự cố bất thường xảy ra đối với hệ thống xử lý nước thải, Chủ cơ sở phải báo cáo bằng văn bản đến UBND tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND huyện Sơn Động để kịp thời xử lý.

Phụ lục 2
BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung: Từ hoạt động của máy móc thiết bị tại hệ thống xử lý nước thải

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung (theo hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trục 107⁰, múi chiều 3⁰)

Vị trí tại trạm xử lý nước thải tập trung. Tọa độ: X= 2 332 589; Y= 435 583;

3. Tiếng ồn, độ rung phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung; cụ thể như sau:

+ Tiếng ồn:

TT	Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21 - 6 giờ (dBA)	Ghi chú
1	70	55	Khu vực thông thường

+ Độ rung:

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Ghi chú
	Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ	
1	70	60	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

+ Bố trí hệ thống xử lý nước thải được tại khu vực riêng biệt, cách xa khu nhà ở công nhân;

+ Thực hiện kiểm tra, bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị của trạm xử lý nước thải.

+ Bê tông hóa đường nội bộ;

+ Trong khuôn viên và xung quanh cơ sở đều được trồng cây xanh.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

Các nguồn phát sinh tiếng ồn, rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

Phụ lục 3
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA
VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên khoảng 40kg/năm, gồm:

TT	Chất thải nguy hại	Trạng thái	Khối lượng (kg/năm)
1	Găng tay, giẻ lau nhiễm thành phần nguy hại (dính dầu mỡ và hóa chất)	Rắn	35
2	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	5
Tổng			40

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn thông thường phát sinh:

- Chất thải y tế thông thường: Chất thải y tế thông thường của cơ sở là các loại chất thải không chứa các yếu tố nguy hại phát sinh từ phòng y tế như vỏ hộp, bao bì đựng thuốc...lượng chất thải này phát sinh không thường xuyên là các chất thải có thể tái chế, ước tính trung bình khoảng 1-2kg/tháng tương đương khoảng 12-24kg/năm.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt: Khoảng 5kg/ngày

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh có thành phần chủ yếu là: túi nilong, vỏ chai lọ,... và giấy từ nhà vệ sinh khối lượng phát sinh khoảng 253kg/ngày tương đương khoảng 7,6 tấn/tháng.

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Bố trí 2 thùng chứa chất thải bằng nhựa có nắp đậy dung tích 120 lít/thùng.

2.1.2. Kho chứa chất thải nguy hại

+ Diện tích: 01 kho chứa chất thải nguy hại diện tích 15m²

+ Kết cấu, cấu tạo của kho: Kho chứa có mái che, có lắp đặt cửa ra vào, trên cửa có biển cảnh báo kho chứa CTNH. Mặt sàn trong khu lưu giữ kín khít, không

rạn nứt, không bị thấm thấu.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại theo quy định (tần suất dự kiến 06 tháng/lần).

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

- Chất thải y tế thông thường được thu gom ngay tại phòng y tế lưu chứa trong các túi nilon chủ yếu là các loại bao bì, hộp thuốc có thể tái chế sẽ được chuyển giao cho đơn vị thu mua phế liệu.

- Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ trong bể chứa bùn sau đó hợp đồng với đơn vị chức năng đến hút bùn đi xử lý theo đúng quy định.

2.2.2. Kho chứa chất thải rắn thông thường: Không bố trí

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải được chứa trong các thùng chứa chất thải chuyên dụng có nắp đậy, 02 thùng dung tích 120 lít, 01 thùng dung tích 60 lít.

2.3.2. Kho chứa chất thải rắn sinh hoạt:

- Diện tích kho, khu vực lưu chứa: Kho chứa diện tích 20m²

- Thiết kế, cấu tạo của kho/khu vực lưu chứa: Kho xây bằng gạch, nền lát xi măng, mái lợp tôn, có lắp biển tên theo đúng quy định.

- Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý theo quy định (tần suất dự kiến 03 ngày/lần).

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải, bụi và khí thải. Có kế hoạch xử lý kịp thời khi xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, bụi và khí thải. Trong trường hợp xảy ra sự cố, nhanh chóng dừng hoạt động sản xuất, có các biện pháp khắc phục sự cố cho hệ thống nước thải, xử lý bụi và khí thải. Chỉ được tiếp tục hoạt động trở lại sau khi đã xử lý, khắc phục hoàn toàn sự cố.

Phụ lục 4
CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số /QĐ-UBND ngày /12/2023
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Tổng Công ty Đông Bắc có trách nhiệm:

- Tổ chức thực hiện và tự chịu trách nhiệm theo quy định của pháp luật; tiếp thu đầy đủ các nội dung, yêu cầu của Giấy phép môi trường đã được cấp.

- Thực hiện nghiêm túc các giải pháp kỹ thuật phòng chống và ứng phó sự cố môi trường, chịu trách nhiệm đền bù khắc phục hậu quả và bồi thường thiệt hại do sự cố gây ra; các quy định về an toàn lao động, an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy và các quy định khác có liên quan trong quá trình thực hiện Dự án. Chịu trách nhiệm sửa chữa, duy tu, xây dựng mới hoặc bồi thường trong trường hợp gây thiệt hại đến hạ tầng kỹ thuật, công trình, tài sản khác xung quanh khu vực thực hiện cơ sở.

- Bố trí đủ kinh phí để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường, phòng ngừa, ứng phó các sự cố về môi trường trong quá trình thực hiện dự án; Định kỳ kiểm tra, duy tu bảo dưỡng các công trình bảo vệ môi trường để đảm bảo hiệu quả thu gom, xử lý.

- Vận hành hệ thống xử lý nước thải công suất 150m³/ngày đêm để thu gom, xử lý toàn bộ lượng nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của cơ sở đảm bảo đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận, đảm bảo không để hiện tượng rò rỉ, ngấm nước thải ảnh hưởng đến môi trường đất, môi trường nước, không khí khu vực.

- Quản lý thu gom và xử lý chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại phát sinh theo đúng quy định tại: Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

- Các nội dung khác: Chi tiết tại Tờ trình số 788/TTr-TNMT ngày 08/12/2023 của Sở Tài nguyên và Môi trường và nội dung báo cáo đề xuất cấp Giấy phép môi trường.